

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức học từ tuần 1 đến hết tuần 13.

- Lịch sử Hà Nội từ thế kỉ XI đến XVI.
- Di sản văn hóa phi vật thể ở thành phố Hà Nội.
- Ứng xử văn minh nơi công cộng.

2. Một số câu hỏi trong tâm hoặc nội dung kiến thức cần nắm được

- Trình bày về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá của Kinh thành Đông Kinh thời Lê và Kinh thành Thăng Long thời Lý – Trần?
- Nêu các loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở thành phố Hà Nội.
- Trình bày ý nghĩa và biện pháp bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể.
- Nêu được quy tắc ứng xử chung nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Trình bày được một số biện pháp thực hiện quy tắc ứng xử văn minh nơi công cộng của thành phố.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HOA

1. Trắc nghiệm:

Câu 1. Thời Lê sơ, kinh đô Thăng Long có bao nhiêu phố phường?

- A. 36. B. 63. C. 16. D. 61.

Câu 2. Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La (Hà Nội) vào khoảng thời gian nào?

- A. Năm 1010. B. Năm 1400. C. Năm 1407. D. năm 1771

Câu 3. Khoa thi Hội đầu tiên được nhà Lê sơ tổ chức ở Kinh thành vào năm bao nhiêu?

- A. Năm 1400. B. Năm 1442. C. Năm 1010. D. Năm 1430.

Câu 4. Năm 1430, kinh thành Thăng Long được đổi tên là gì?

- A. Đông Kinh. B. Đông Đô. C. Trung Kinh. D. Đại La.

Câu 5. Nếu phát hiện trong vườn nhà có vật cổ không rõ nguồn gốc từ đâu bạn sẽ làm gì?

- A. Báo cho chính quyền địa phương. B. Mang đi bán.
C. Lờ đi coi như không biết. D. Giấu không cho ai biết.

Câu 6. Những sản phẩm tinh thần có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác được gọi là gì?

- A. Di sản. B. Di sản văn hóa.
C. Di sản văn hóa vật thể. D. Di sản văn hóa phi vật thể.

Câu 7. Di sản nào dưới đây là di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Thành cổ Quảng Trị. B. Ngã ba Đồng Lộc.
C. Hoàng Thành Thăng Long. D. Ca trù.

Câu 8. Hành vi nào dưới đây phù hợp với việc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa?

- A. Anh A có hành vi vứt rác tại khu di tích đền thờ.
B. Anh B tham gia lớp học để rèn luyện hát ca trù.
C. Chị C không nghe nhạc quan họ vì cho rằng cổ hủ.
D. Anh D phát tán thông tin sai lệch về di sản văn hóa quê mình.

Câu 9. Sau khi học xong cao đẳng, anh T có ý định về quê phát triển nghề truyền thống dệt vải của quê hương, biết chuyện ông M và bà N là bố mẹ của T đã ra sức ngăn cản và khuyên T nên học lên để làm kinh doanh, không theo nghề truyền thống vì thu nhập thấp. Chị gái của anh T là P không đồng ý với bố mẹ và khuyên em trai nên về tiếp tục phát triển

nghề truyền thống của quê hương. trong trường hợp này, chủ thể nào dưới đây có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương?

- A. Anh T. B. Chị P. C. Anh T và chị P. D. Ông M và bà N.

Câu 10. Múa rối nước – làng Đào Thục nằm tại khu vực nào Hà Nội?

- A. Xã Thụy Lâm – Đông Anh. B. Xã Bát Tràng – Gia Lâm.
C. Xã Đông Hội – Đông Anh. D. Xã Bắc Phú – Sóc Sơn.

Câu 11. Học sinh có trách nhiệm gì trong việc bảo tồn di sản văn hóa?

- A. Chỉ bảo vệ di tích lịch sử – văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng.
B. Học sinh không có trách nhiệm trong việc bảo tồn di sản văn hóa.
C. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá.
D. Chỉ có nhà nước mới có thẩm quyền trong việc bảo tồn di sản văn hóa.

Câu 12. Di sản văn hoá phi vật thể bao gồm

- A. tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, lễ hội, trang phục,...
B. di tích lịch sử văn hoá, tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, lễ hội,...
C. tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, lễ hội, trang phục,...
D. tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, lễ hội, trang phục, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia,...

Câu 13. Chúng ta nên có thái độ như thế nào với những hành vi thiếu văn minh?

- A. Trực tiếp lên án các hành vi đó. B. Phớt lờ, thờ ơ, không quan tâm.
C. Giả vờ không nhìn thấy. D. Cười, nói lớn tiếng

Câu 14. Theo em, chúng ta sẽ nhận được gì khi có cách ứng xử đúng đắn nơi công cộng?

- A. Sự tôn trọng, quý mến của mọi người xung quanh.
B. Sự dè bủ, xa lánh của mọi người.
C. Sự khó chịu của mọi người.
D. Không nhận được gì vì nơi công cộng toàn những người chúng ta không quen biết.

Câu 15. Mỗi khi An gặp bài toán khó, An thường nói: “Em thưa thầy, thưa cô cho em làm phiền một chút...” với thầy cô giáo trước khi hỏi bài tập. Theo em, An là người như thế nào?

- A. An là người có thái độ văn minh, tế nhị. B. An là người vô duyên.
C. An là người phiền phức. D. An là người không chân thành.

2. Tự luận:

Câu 1. Trình bày về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá của Kinh thành Đông Kinh thời Lê và Kinh thành Thăng Long thời Lý – Trần?

Câu 2. Nêu khái niệm công cộng, văn hóa ứng xử nơi công cộng. Theo em, nguyên nhân của lối ứng xử thiếu lịch sự nơi công cộng của đại bộ phận thanh thiếu niên hiện nay là gì? Chia sẻ cách ứng xử của em trong những trường hợp sau đây:

- Trong phòng đọc của thư viện nhà trường, một số em học sinh lớp 6 đang trêu đùa, xô đẩy nhau.
- Bác hàng xóm thường xuyên không đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy.
Trong thang máy, em gặp cô A đang mang bầu, tay xách nhiều túi đồ.
- Em thường xuyên bắt gặp Nam vứt rác bừa bãi ra lớp học.
- Trong công viên, các bạn đang giẫm lên hoa để chụp ảnh.

Câu 4. Viết đoạn văn 7 đến 10 câu giới thiệu đôi nét về 1 di sản văn hóa phi vật thể ở Hà Nội mà em biết.



BAN GIÁM HIỆU

Ngô Thị Bích Liên

NHÓM TRƯỞNG

Phạm Huyền Trang

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nguyên tử là gì? Nêu đặc điểm cấu tạo của nguyên tử?

Câu 2: Nguyên tố hóa học là gì? Viết kí hiệu hóa học và gọi tên (theo danh pháp IUPAC) của 20 nguyên tố?

Câu 3: Trình bày nguyên tắc sắp xếp các nguyên tố hóa học trong bảng tuần hoàn, cấu tạo của bảng tuần hoàn?

Câu 4:

a. Liên kết ion là gì? Liên kết cộng hóa trị là gì? Lấy ví dụ minh họa.

b. Nêu sự khác nhau về một số tính chất của hợp chất ion và hợp chất cộng hóa trị.

Câu 5: a. Viết công thức hóa học dạng chung của đơn chất và hợp chất? Lấy ví dụ.

b. Nêu ý nghĩa của công thức hóa học?

Câu 6: a. Trình bày khái niệm hóa trị (cho chất cộng hóa trị)?

b. Nêu nội dung quy tắc hóa trị?

Câu 7: Nêu khái niệm, công thức, đơn vị đo tốc độ?

Câu 8: Nêu các cách đo tốc độ chuyển động?

Câu 9: Nêu cách vẽ đồ thị quãng đường – thời gian, cách sử dụng đồ thị quãng đường – thời gian.

Câu 10: Nêu ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông?

Câu 11: Nêu khái niệm nguồn âm, sóng âm. Nêu các môi trường truyền âm.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Kí hiệu hóa học của nguyên tố Sulfur là

- A. Si B. S C. So D. Su

Câu 2: Nguyên tố hóa học nào dưới đây là kim loại?

- A. O B. N C. Na D. P

Câu 3: Chất nào sau đây là hợp chất?

- A. Cl_2 B. Ca C. CO D. O_3

Câu 4: Liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử muối ăn NaCl là liên kết

- A. ion B. cộng hóa trị C. kim loại D. phi kim

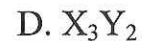
Câu 5: Hóa trị của C trong hợp chất CO_2 là

- A. I B. II C. III D. IV

Câu 6: Hợp chất Sodium oxide tạo bởi nguyên tố sodium (hóa trị I) và nguyên tố oxygen. Công thức hóa học của hợp chất là



Câu 7: Cho biết công thức hóa học của hợp chất được tạo bởi hai nguyên tố X và O là XO , công thức hóa học của hợp chất được tạo bởi hai nguyên tố Y và H là YH_3 . Công thức hóa học của hợp chất tạo bởi hai nguyên tố X và Y là



Câu 8: Phần trăm khối lượng của nguyên tố carbon trong phân tử đường ăn ($\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$) là

A. 6,43%.

B. 52,46%.

C. 24,76%.

D. 42,11%.

Câu 9: Lactic acid là hợp chất có nhiều trong sữa chua, có công thức phân tử là $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_3$. Khối lượng phân tử của lactic acid tính theo đơn vị amu là

A. 86.

B. 121.

C. 90.

D. 138.

Câu 10: Một xe chuyển động trên quãng đường s_1 trong thời gian t_1 , sau đó tiếp tục chuyển động quãng đường s_2 trong thời gian t_2 . Công thức tính tốc độ trung bình của xe chạy trên cả quãng đường này là gì?

A. $v_{tb} = (s_1 + s_2) : (t_1 + t_2)$

B. $v_{tb} = (s_1 : t_1) + (s_2 : t_2)$

C. $v_{tb} = s_1 : t_1$

D. $v_{tb} = s_2 : t_2$

Câu 11: Dùng qui tắc “3 giây” để ước tính khoảng cách an toàn khi xe chạy với tốc độ 72 km/h?

A. 216 m

B. 216 km

C. 60 m

D. 60 km.

Câu 12: Lúc 6h50min bạn Lan đi xe đạp từ nhà đến trường với tốc độ 12 km/h, và đến trường lúc 7h10min. Tính quãng đường từ nhà bạn Lan đến trường.

A. 6 km

B. 4 km

C. 3 km

D. 2 km.

Câu 13: Hai người đi xe đạp chuyển động đều, người thứ nhất đi với tốc độ 15km/h, người thứ 2 đi với tốc độ 4,5m/s. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Người thứ nhất đi nhanh hơn

B. Người thứ hai đi nhanh hơn

C. Hai người đi với tốc độ như nhau

D. Cả A và C đều đúng.

Câu 14: Vật nào dưới đây không phải là nguồn âm?

A. Chuông đồng hồ đang kêu.

B. Công chiêng đang được gõ.

C. Cái loa đài đang tắt.

D. Thác nước đang chảy.

Câu 15: Âm không truyền được qua môi trường nào dưới đây?

A. Rắn.

B. Lỏng.

C. Khí.

D. Chân không

2. BÀI TẬP TỰ LUẬN:

❖ Dạng bài tập lập công thức hóa học.

Câu 1: Lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi:

- | | |
|-----------------------|--|
| a. Al (III) và O (II) | d. Mg (II) và nhóm OH (I) |
| b. S (IV) và O (II) | e. Na (I) và nhóm NO ₃ (I) |
| c. K (I) và Cl (I) | f. Fe (III) và nhóm SO ₄ (II) |

Cho biết ý nghĩa của các công thức hóa học trên?

Câu 2: Thạch nhũ trong hang động có thành phần chính là hợp chất T. Phân tử T có cấu tạo từ nguyên tố calcium, carbon và oxygen với các tỉ lệ phần trăm tương ứng là 40%, 12% và 48%. Khối lượng phân tử T là 100 amu. Hãy xác định công thức hoá học của T.

❖ Dạng bài tập về tốc độ, đồ thị quãng đường – thời gian

Câu 3: Một người đi xe đạp sau quãng đường 4 km với tốc độ 12 km/h, sau đó đi tiếp 3 km với tốc độ 9 km/h. Xác định tốc độ trung bình của người đó trên cả quãng đường.

Câu 4: Lúc 1h sáng, một đoàn tàu hỏa chạy từ ga A đến ga B với tốc độ 60km/h, đến ga B lúc 2h và dừng ở ga B 15min. Sau đó, đoàn tàu tiếp tục chạy với tốc độ cũ thì đến ga C lúc 3h15min.

- Hãy vẽ đồ thị quãng đường – thời gian của đoàn tàu nói trên.
- Tính tốc độ trung bình của đoàn tàu khi đi từ ga A đến ga C.

Câu 5: Lúc 7h sáng một người đi bộ đều trên đoạn đường đầu dài 3,6km với vận tốc 2m/s, sau đó người đó ngồi nghỉ giải lao 15min rồi tiếp tục đi quãng đường tiếp theo dài 2,7km và kết thúc hành trình lúc 8h10min sáng.

- Vẽ đồ thị quãng đường - thời gian chuyển động của người đi bộ.
- Lúc 8h sáng người đó đi được quãng đường dài bao nhiêu km
- Tính tốc độ trung bình của người đó trong cả hành trình.



BGH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Đỗ Minh Phương

NTCM

Vũ Thị Loan

PART I: Knowledge

1. Vocabulary

- From Unit 1 to Unit 5
- Words and phrases related to the topics: Hobbies, Health living, Community activities, Music and arts, Food and drink.

2. Grammar

- Present simple tense, past simple tense
- Verbs of liking & disliking
- Some, any, a lot of/ lots of to describe quantities
- Simple sentences
- Comparisons

3. Pronunciation

- Sounds: / ə / - / ɜ: /, / f / - / v /, / t /, / d /, / e d /, / ɔ: / - / ɒ /, / ʃ / - / ʒ /
- Word stress: From Unit 1 to Unit 5

PART II: Exercises

A. MULTIPLE CHOICE

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the others

- | | | | |
|--------------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------|
| 1. A. le <u>ft</u> | B. kni <u>f</u> e | C. o <u>f</u> | D. fa <u>m</u> ily |
| 2. A. de <u>ci</u> sion | B. mea <u>s</u> ure | C. su <u>g</u> ar | D. vi <u>s</u> ual |
| 3. A. de <u>ve</u> loped | B. tu <u>t</u> ored | C. ex <u>ch</u> anged | D. volu <u>n</u> teered |
| 4. A. pre <u>f</u> er | B. su <u>r</u> face | C. tea <u>ch</u> er | D. re <u>t</u> urn |
| 5. A. fo <u>r</u> get | B. sho <u>r</u> t | C. po <u>r</u> k | D. fo <u>r</u> k |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose stress differs from the others

- | | | | |
|----------------|--------------|--------------|--------------|
| 6. A. outdoors | B. pepper | C. allow | D. collect |
| 7. A. prepare | B. affect | C. guitar | D. lifestyle |
| 8. A. sunburn | B. avoid | C. omelette | D. hobby |
| 9. A. composer | B. lemonade | C. delicious | D. musician |
| 10. A. concert | B. breakfast | C. perform | D. teaspoon |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following sentences

11. The British School is the most famous _____ arts school in Britain.
A. performing B. performance C. perform D. performed
12. Nowadays, a lot of _____ live in a nursing home.
A. homeless people B. elderly people
C. street children D. disabled people
13. Flight for Rome _____ from Terminal 3 at 6 am tomorrow.
A. departs B. will depart C. are departing D. depart
14. _____ honey do you need to cook fried chicken?
A. How much B. How many C. How far D. How little
15. He donated thousands of pounds _____ charity.
A. for B. to C. with D. of
16. There _____ a lot of butter in the fridge but there _____ any eggs.
A. are/ aren't B. is/ are C. is/ aren't D. isn't/ are

17. Last year, Jane _____ in raising funds for street children.
 A. participate B. is participating C. participated D. participates
18. I think different people have different musical _____.
 A. options B. preferences C. suggestions D. choices
19. Classical music is not _____ as pop music.
 A. exciting B. more excited C. as exciting D. as excited
20. For breakfast, Nam usually has two _____ of bread and a glass of milk.
 A. loaf B. loaves C. piece D. bars

Circle the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to each of the following exchanges.

21. "How much does this skirt cost?" "_____."
 A. Here you are B. A dozen, please
 C. Twenty-eight dollars D. Yes. I need some milk
22. "May I borrow a pen for a minute, please?" – "_____."
 A. Yes, certainly! B. That's right!
 C. Yes. Thank you! D. No, thanks!

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction.

23. I think learning to play the violin is as difficult than learning to play the guitar.
 A B C D
24. Laura brought a lot of money with her so that she could buy any foods.
 A B C D
25. Van Cao was a great Vietnamese compose, painter, and poet.
 A B C D
26. We often have some rice and pork in lunch.
 A B C D

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word (s) CLOSEST in meaning to the underlined word (s) in each of the following questions.

27. Bob has a high temperature of 39.5C. You should take him to the hospital.
 A. flu B. fever C. level D. signal
28. Marie adores collecting leaves. She has a huge leaf collection.
 A. detests B. starts C. enjoys D. spends

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word (s) in each of the following questions.

29. The painting is now in a private collection.
 A. popular B. public C. individual D. secret
30. I decided to take up a pottery class in a nearby town which I now attend every week.
 A. get rid of B. bring about C. take part in D. set up

Read the passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

Pho might be Vietnam's (31) _____ famous dish, but bun cha is the top choice when it comes to lunchtime in Hanoi. It doesn't matter (32) _____ you eat bun cha in a restaurant or a small cart on the street, you will be served by a plate of vermicelli (bun), a bowl of broth (33) _____ grilled pork and a basket of fresh herbs. Vermicelli and fresh herbs (34) _____ pretty common in a Vietnamese restaurant. The broth and the pork are the ones that make this dish (35) _____. Bun cha sets often come with the delicious nem cua be – fried crab spring rolls. Still not convinced? It's what Obama ate during his night out with Bourdain.

31. A. the best B. best C. most D. the most

- | | | | |
|----------------|-----------|-----------|--------------|
| 32. A. because | B. and | C. if | D. so |
| 33. A. of | B. in | C. with | D. from |
| 34. A. was | B. were | C. is | D. are |
| 35. A. unique | B. normal | C. simple | D. specially |

Read the passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer for each of the following sentences.

Each country has many good people who take care of others. For example, some students in the United States often spend many hours as volunteers in hospitals, orphanages or homes for the elderly. They read books to the people in these places, or they just visit these people and play games with them or listen to their problems.

Other young volunteers go and work in the homes of people who are sick or old. They paint, clean up, or repair their houses, and do the shopping. For boys who don't have fathers, there is an organization called Big Brothers. College students and other men take these boys to basketball games or on fishing trips and help them to get to know things those boys usually learn from their fathers.

Each city has a number of clubs where boys and girls can go and play games. Some of these clubs show movies or hold short trips to the mountains, the beaches, museums, or other places of interest. Most of these clubs use a lot of students as volunteers because they are young enough to understand the problems of younger boys and girls.

36. What do volunteers usually do to help those who are sick or old in their homes?

- A. They do shopping, and repair or clean up their house.
- B. They tell them stories, sing and dance for them.
- C. They cool, sew, and wash their clothes.
- D. They take them to basketball games.

37. What do they help boys whose fathers do not live with them?

- A. To learn things about their fathers.
- B. To get to know things about their fathers.
- C. To get to know things that boys want from their fathers.
- D. To learn things that boys usually learn from their fathers.

38. Which activities are NOT available for the students at the clubs?

- | | |
|-----------------------------|-------------------------|
| A. playing games | B. learning photography |
| C. going to interest places | D. watching films |

39. Why do they use many students as volunteers? - Because.

- A. they can understand the problems of younger boys and girls.
- B. they have a lot of free time.
- C. they know how to do the work.
- D. they are good at playing games and learning new things.

40. Where don't students often do volunteer work?

- | | |
|--------------|--------------------------|
| A. hospitals | B. orphanages |
| C. clubs | D. homes for the elderly |

B. WRITING

Rearrange the words or phrases to make meaningful sentences

41. enough / at night/ good/ Getting/ sleep/ is/ you/ for/.

.....

42. you/ like/ sugar/ in/ Would/ some/ your coffee/?
.....

43. Water puppetry / is / special / Viet Nam / a / art form / traditional / in /.
.....

44. take part / advertising/ you / campaign / Did / last Saturday/ an / in /?
.....

45. There is / in /only / the fridge/ eggs / a few/.
.....

Rewrite the following sentences without changing the meaning, using the given words in the brackets.

46. My answer to this exercise is different from my friend's. (same)
⇒

47. He likes taking photos better than painting. (prefers)
⇒

48. This year's performance is not very good. Last year's was better. (as.....as)
⇒

49. There is a train leaving at 8 o'clock every morning. (leaves)
⇒

50. Why don't we go to the Italian restaurant for dinner tonight? (What about)
⇒

PART III: SPEAKING

1. Talk about your hobby
2. Talk about how to deal with some health problems.
3. Talking about some types of music you like



BGH DUYỆT

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

NTCM

Bùi Thị Mỹ Duyên

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA
CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGHỆ THUẬT (MĨ THUẬT) 7

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

- Kiến thức về cách trang trí một sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống.
- Kiến thức về cách vẽ mẫu vật có dạng khối trụ, khối cầu.
- Kiến thức về cách tạo một thiết kế trong trang trí kiến trúc.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

- Em hãy vẽ một mẫu vật có dạng khối trụ, khối cầu. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy tạo mô hình, vẽ ngôi nhà trong tranh. Thể hiện tùy ý (2D, 3D). Chất liệu tự chọn.
- Em hãy thiết kế một chao đèn trong trang trí kiến trúc. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.

Ban Giám Hiệu

TTCM

Nhóm trưởng



Ngô Thị Bích Liên

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

Vũ Hồng Tâm

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 3 bài hát:

- Khai trường
- Vì cuộc sống tươi đẹp
- Nhớ ơn thầy cô.

2. Ôn phần nhạc lí

- Nhịp lấy đà
- Dấu nhắc lại, dấu quay lại, khung thay đổi.

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 1, số 2.

II. KĨ NĂNG – KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài: hát đúng kĩ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học của các lớp
- Kiểm tra theo nhóm hoặc từng học sinh



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhân

UBND QUẬN LONG BIÊN
Trường THCS Ngọc Lâm
NĂM HỌC 2023-2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA
CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung: Nhảy xa kiểu ngồi

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện hoàn chỉnh các động tác của Nhảy xa kiểu ngồi
- Thực hiện đúng 4 giai đoạn kỹ thuật của nhảy xa

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức học từ tuần 1 đến hết tuần 13

a. Văn bản: Truyện ngắn, thơ

b. Tiếng Việt:

- Mở rộng trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.
- Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nói giảm nói tránh, điệp ngữ
- Số từ, phó từ
- Nghĩa của từ
- Dấu câu: Dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép
- Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ

c. Viết:

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.
- Viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Nêu đặc điểm của truyện ngắn (đề tài, chủ đề, nhân vật, ngôi kể..)

Câu 2: Đặc điểm của thể thơ 4 chữ, 5 chữ

Câu 3: Đặc điểm của tình cảm, cảm xúc, hình ảnh, nhịp trong thơ trữ tình

Câu 4: Cách viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học

Câu 5: Cách viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc

Câu 6: Lập bảng hệ thống kiến thức tiếng Việt trong bài 1 đến hết bài 4 theo mẫu sau

STT	Đơn vị kiến thức	Đặc điểm	Ví dụ

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HOA

Dạng 1: Đọc – hiểu

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu:

QUÀ CỦA BÀ

Bà tôi bận lắm, chăm cùi công việc suốt ngày. Nhưng chả lần nào đi chợ mà bà không tạt vào thăm hai anh em tôi, cho chúng tôi khi thì tám bánh đa, quả thị, khi thì củ sắn luộc hoặc mớ táo. Ăn quà của bà rất thích, nhưng ngồi vào lòng bà nghe bà kể chuyện còn thích hơn nhiều.

Gần đây, bà tôi không được khỏe như xưa nữa. Đã hai năm nay, bà bị đau chân. Bà không đi chợ được, cũng không đến chơi với các cháu được. Thế nhưng lần nào

chúng tôi đến thăm bà, bà cũng vẫn có quà cho chúng tôi: khi thì mấy củ dong riềng, khi thì cây mía, quả na hoặc mấy khúc sắn dây, toàn những thứ tự tay bà trồng ra. Chiều qua, đi học về, tôi chạy đến thăm bà. Bà ngồi đây, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!

(Theo Vũ Tú Nam)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

- A. Biểu cảm B. Miêu tả C. Tự sự D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ ba

- A. Đúng B. Sai

Câu 3. Người kể chuyện trong văn bản trên là ai?

- A. Nhân vật tôi B. Nhân vật bà C. Hai anh em tôi D. Người kể chuyện giấu mình

Câu 4. Gói quà đặc biệt bà đưa cho cháu là gì?

- A. Bánh đa B. Củ dong riềng, cây mía, quả na, mấy khúc sắn dây

- C. Ô mai sấu D. Quả thị

Câu 5. Phó từ “lắm” trong câu: “Bà tôi bận lắm, cặm cùi công việc suốt ngày.” Bổ sung ý nghĩa gì?

- A. Cầu khiến B. Sự tiếp diễn C. Sự hoàn thành, kết quả D. Mức độ

Câu 6. Ngữ liệu trên sử dụng bao nhiêu từ láy

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 1

Câu 7. Trong các cụm từ sau đâu là trạng ngữ?

- A. Mấy củ dong riềng B. Ô mai sấu C. Chiều qua D. Cây mía,

Câu 8. Văn bản nào em đã học có nội dung giống câu chuyện trên?

- A. Tiếng gà trưa B. Hai anh em C. Cây vú sữa D. Mẹ

Câu 9 (1 điểm): Qua câu chuyện em thấy tình cảm người bà dành cho cháu như thế nào?

Câu 10 (1 điểm): Câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì về bổn phận của mình đối với ông bà?

Dạng 2. Viết

Đề 1. Viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

Đề 2. Viết bài văn biểu cảm về một người mà em yêu quý.



Ngô Thị Bích Liên

TỔ TRƯỞNG

Lưu Hoàng Trang

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Giang

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13.

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

a. Phân môn Lịch sử:

Câu 1. Trình bày quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á?

Câu 2. Trình bày quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Lào?

Câu 3. Nêu những thành tựu tiêu biểu của văn hóa Đông Nam Á, Lào đến TK XVI?

b. Phân môn Địa lí:

Câu 1. Trình bày đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu) khu vực Đông Nam Á. Ảnh hưởng (thuận lợi và khó khăn) của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển kinh tế của khu vực?

Câu 2. Trình bày đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi? Tại sao khí hậu nhiệt đới ở Nam Phi lại ẩm và dịu hơn Bắc Phi ?

II. MỘT SỐ CÂU HỎI MINH HỌA

1. Phân môn Lịch sử:

Câu 1. Từ nửa sau thế kỉ X - thế kỉ XIII, ở lưu vực sông Chao Phraya có sự hiện diện của vương quốc nào dưới đây?

A. Vương quốc Pa-gan.

B. Vương quốc Phù Nam.

C. Vương quốc Chân Lạp.

D. Vương quốc Ha-ri-pun-giay-a

Câu 2. Chữ viết của phần lớn các dân tộc Đông Nam Á được hình thành dựa trên cơ sở

A. chữ tượng hình của Ai Cập.

B. chữ Hán của Trung Quốc.

C. chữ Phạn của Ấn Độ.

D. chữ Nôm của Việt Nam.

Câu 3. Đặc điểm của bộ máy nhà nước phong kiến Đông Nam Á là

A. nền dân chủ phát triển.

B. nhà nước quân chủ lập hiến.

C. nhà nước quân chủ chuyên chế.

D. quyền lực của vua không lớn.

Câu 4. Chủ nhân sinh sống đầu tiên ở Lào là tộc người nào?

A. Lào Lùm.

B. Lào Thong.

C. Khơ-me.

D. Thái.

Câu 5. Người đã tập hợp và thống nhất các mường Lào, lập ra nhà nước Lan Xang là

A. Pha Luông.

B. Ong Kẹo.

C. Pu-côm-bô.

D. Pha Ngừm.

2. Phân môn Địa lí:

Câu 6. Khu vực nào của châu Á giáp với biển Đông?

A. Nam Á

B. Tây Nam Á

C. Bắc Á

D. Đông Nam Á

Câu 7. Động đất thường xảy ra ở khu vực nào của châu Á?

A. Vùng núi cao B. Vùng đồng bằng C. Vùng nội địa D. Vùng đảo và duyên hải

Câu 8. Châu Phi ngăn cách với châu Á bởi biển Đỏ và:

A. Địa Trung Hải B. kênh đào Xuy-ê C. kênh đào Panama D. biển Đen

Câu 9. Dân cư châu Phi tập trung đông đúc ở vùng nào?

A. Vùng rừng rậm xích đạo B. Vùng duyên hải cực Bắc và cực Nam
C. Vùng hoang mạc Xahara D. Hoang mạc Calahari

Câu 10. Đồng cỏ (xavan) là cảnh quan của môi trường nào ở châu Phi?

A. Môi trường hoang mạc B. Môi trường Địa Trung Hải
C. Môi trường xích đạo ẩm D. Môi trường nhiệt đới



BAN GIÁM HIỆU

Ngô Thị Bích Liên

TỔ TRƯỞNG

Lưu Hoàng Trang

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thảo

I.NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1.Các đơn vị kiến thức học từ tuần 1 đến hết tuần 13

- Em với nhà trường.
- Khám phá bản thân.
- Trách nhiệm với bản thân.
- Rèn luyện với bản thân.

2.Một số câu hỏi trọng tâm hoặc nội dung kiến thức cần nắm được

- Nêu các bước xác định điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.
- Trình bày về cách giữ gìn, phát huy truyền thống của nhà trường.
- Trình bày các tiêu chí xây dựng trường học hạnh phúc.
- Xác định những khó khăn của bản thân và cách khắc phục.
- Xác định những tình huống nguy hiểm trong cuộc sống. Từ đó nêu biện pháp tự bảo vệ bản thân trong các tình huống nguy hiểm.
- Nêu những thuận lợi và khó khăn khi sắp xếp nhà cửa, lớp học.

II.MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HOA

1.Trắc nghiệm:

Câu 1. Những việc làm nào sau đây thể hiện mối quan hệ hoà đồng với thầy cô và bạn bè?

- A. Chỉ xin ý kiến hoặc nhờ thầy cô chỉ bảo thêm về những vấn đề liên quan tới việc học tập ở trường lớp.
- B. Giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn cả trong và ngoài lớp tùy theo khả năng của mình.
- C. Chỉ tham gia hoạt động với các bạn khi được thầy cô yêu cầu.
- D. Chỉ chia sẻ, nói chuyện với những bạn chơi thân trong lớp.

Câu 2. Trường THCS Ngọc Lâm nơi em đang học có tổng số lượng lớp hiện nay là bao nhiêu?

- A. 25. B. 26. C. 27. D. 28.

Câu 3. Em sẽ làm gì nếu được giao một bài tập/dự án trong học tập thuộc vào điểm yếu của mình:

- A. Xin cô giáo/ thầy giáo đổi cho mình một đề bài/ dự án khác đúng theo sở trường của bản thân.

B. Thử tiếp cận đề bài/ đề tài của dự án theo nhiều cách khác mà trước đây chưa từng thử qua, cố gắng tìm cách để cải thiện tốt nhất hiệu quả làm bài.

C. Tìm cách tránh né bài tập/ dự án hoặc đẩy sang cho bạn khác trong nhóm, trong lớp làm.

D. Nhờ các bạn làm hộ bài tập/ dự án đó.

Câu 4. Khi một bạn trong lớp em không hiểu vô tình hay cố ý làm hỏng hộp bút mà em yêu thích nhất, em sẽ xử lý như thế nào?

A. Bực tức ra mặt, quát to vào mặt bạn cho hả giận.

B. Kể cho các bạn khác nghe về việc bạn làm hỏng hộp bút của em với thái độ hằn học, bực dọc.

C. Ngay lập tức đòi bạn phải sửa hoặc đền lại cho mình hộp bút khác.

D. Hỏi lí do vì sao bạn lại làm như vậy và nhẹ nhàng nói cho bạn này biết suy nghĩ của bản thân lúc này. Có thể đi dạo, hít thở sâu để giải tỏa cảm xúc tiêu cực lúc đó.

Câu 5. Khi biết điểm yếu của một bạn trong lớp, em sẽ làm gì?

A. Chế giễu, đùa cợt điểm yếu của bạn trước các bạn khác.

B. Em sẽ tránh né, không chơi với bạn và chỉ chơi với những bạn có nhiều điểm mạnh.

C. Tìm và nhờ, hoặc giao cho bạn những việc liên quan đến điểm yếu này.

D. Động viên, giúp đỡ bạn không tự ti, không né tránh mà từng bước khắc phục điểm yếu của bản thân.

Câu 6. Nếu nhận được một đơn hàng đồ ăn, thức uống không rõ từ người nào gửi đến trường cho mình em sẽ làm gì?

A. Vui vẻ nhận và chia sẻ đồ ăn, thức uống cho các bạn khác trong lớp.

B. Tuyệt đối không nhận đồ ăn, thức uống này và có thể báo cho thầy cô về những điều bất thường.

C. Nhận đồ ăn, thức uống nhưng không dùng mà mời các bạn khác trong lớp dùng.

D. Nhận đồ ăn, thức uống nhưng không dùng ở trường mà mang về nhà để dùng.

Câu 7. Nếu em vô tình phát hiện một bạn nữ trong lớp bị một anh lớp trên quấy rối (điện thoại, nhắn tin gạ gẫm, đe dọa, đờn bạn nữ trên đường đi học về để chọc ghẹo...), em sẽ làm gì?

A. Tìm cách báo cho thầy cô hoặc phụ huynh để can thiệp.

B. Né tránh, coi như chưa từng biết việc này để giữ an toàn cho bản thân.

C. Động viên bạn nữ không nên sợ hãi dẫn đến giấu diếm việc bị quấy rối, nhanh chóng báo với ba mẹ, thầy cô về mức độ bị quấy rối để được giúp đỡ.

D. Tìm cách xa lánh bạn nữ để tránh việc bị quấy rối cùng.

Câu 8. Khi có một người bạn mới quen qua mạng xã hội ngỏ ý cho em một số tiền lớn để làm một việc trái với nội quy nhà trường và quy định của pháp luật, em sẽ làm gì?

- A. Không nhận lời nhưng giới thiệu cho một bạn khác trong lớp làm để kiếm tiền.
- B. Nhận lời làm một lần duy nhất để có được số tiền, sau đó không làm nữa và cắt đứt liên lạc với người này.
- C. Từ chối ngay và cắt đứt liên hệ với người này. Cảnh báo với các bạn khác trong lớp, trong trường về người bạn này, cách thức tiếp cận của người bạn này để các bạn khác đề phòng. Tìm cách báo cho ba mẹ, thầy cô hoặc cơ quan công an để được giúp đỡ.
- D. Suy nghĩ về lời đề nghị và chưa vội từ chối, vì có thể nhận lời sau.

Câu 9. Em cần làm gì để góc học tập luôn gọn gàng, sạch sẽ?

- A. Thường xuyên sắp xếp sách vở, đồ dùng cá nhân ngăn nắp, gọn gàng, đúng chỗ quy định.
- B. Khi nào ba mẹ kiểm tra hoặc có khách đến nhà thì mới dọn dẹp cho ngăn nắp, sạch sẽ.
- C. Để những vật dùng hay được dùng ở vị trí dễ nhìn thấy, dễ lấy. Còn những thứ ít được dùng có thể sắp xếp ở vị trí nào cũng được.
- D. Để vật dụng khắp mọi nơi để dễ dàng lấy bất cứ lúc nào.

Câu 10. Khi cả nhóm em được giao một bài tập khó thì em sẽ làm gì để cùng giải quyết với các bạn khác trong nhóm?

- A. Thảo luận với các bạn, lên kế hoạch và phân công nhiệm vụ rõ ràng để mỗi bạn đảm nhận mỗi việc, tránh việc đùn đẩy để hoàn thành tốt bài tập được giao.
- B. Không quan tâm vì đây là bài tập nhóm, có những bạn khác sẽ làm.
- C. Làm sơ sài, qua loa cho xong phần việc của mình.
- D. Chỉ chọn nhiệm vụ, phần việc dễ dàng so với năng lực của bản thân.

Câu 11. Nếu như trong lớp em có một bạn có hoàn cảnh khó khăn (nhà rất nghèo, mỗi ngày phải đi bộ đi học 7km vì không có xe đạp), bạn này lại là hàng xóm của em thì em sẽ làm gì?

- A. Không có việc làm cụ thể để giúp đỡ vì đã có cô giáo chủ nhiệm, ban cán sự lớp và các bạn khác trong lớp.
- B. Tìm cách giúp đỡ bạn những việc nhỏ như: chủ động chở bạn đi học hàng ngày, vận động các bạn trong lớp và tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của thầy cô và các mạnh thường quân để ủng hộ cho bạn một chiếc xe đạp.
- C. Né tránh thời gian đi học của bạn để không phải chở bạn đi cùng, tránh ảnh hưởng đến việc riêng của bản thân.
- D. Không giao tiếp nhiều với bạn để tránh việc phải giúp đỡ.

Câu 12. Khi chứng kiến hành động bạo lực hoặc xâm hại cơ thể, em cần làm gì?

- A. Gọi ngay đến số 115.
- B. Báo ngay sự việc với người có trách nhiệm (thầy cô, cảnh sát, bảo vệ,...).
- C. Không nên xen vào chuyện người khác.

D. Quay video clip để tố cáo hành động đó trên mạng.

Câu 13. Khi gặp khó khăn trong học tập hoặc trong cuộc sống, em sẽ làm gì?

A. Nhờ bố mẹ tìm cách khắc phục nguyên nhân đó.

B. Cân nhắc xem có nên tiếp tục làm không vì sợ mất thời gian.

C. Tìm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè hoặc người thân để vượt qua khó khăn.

D. Bỏ qua khó khăn đó, tìm việc khác dễ hơn để làm.

Câu 14. Khi xuất hiện cảm xúc tiêu cực, em đã giải tỏa cảm xúc đó bằng cách nào?

A. Để cảm xúc tiêu cực bộc lộ một cách tự nhiên, không cần giải tỏa.

B. Đập phá đồ đạc xung quanh.

C. Quát hoặc nói thật to với người đối diện cho hả giận.

D. Hít thở sâu hoặc đi dạo.

Câu 15. Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây nói về lợi ích của sự gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ?

A. Cần cù bù thông minh.

B. Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.

C. Thua keo này bày keo khác.

D. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.

2. Tự luận:

Câu 1.

a, Giới thiệu vài nét nổi bật, tự hào về trường mình (tên trường, cảnh quan, các hoạt động mà trường tổ chức,...).

b, Kể tên 1 số việc em đã làm để góp phần phát huy truyền thống nhà trường?

Câu 2. Trình bày điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân và biện pháp em đã thực hiện để khắc phục điểm hạn chế đó.

Câu 3. Trình bày cách thức em đã thực hiện để vượt qua 1 khó khăn cụ thể trong học tập hoặc cuộc sống. Nêu cảm xúc của em khi vượt qua được khó khăn đó.

Câu 4. Em hãy nêu những việc làm để giúp nhà cửa, lớp học gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp. Những thuận lợi và khó khăn khi sắp xếp nhà cửa, lớp học.



BAN GIÁM HIỆU

Ngô Thị Bích Liên

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thị Diệu Hà

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Toán – Tin – Công nghệ

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ I

MÔN: TOÁN 7

NĂM HỌC 2023 - 2024

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Định nghĩa lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. Viết dạng tổng quát của 5 phép toán về lũy thừa.

Câu 2: Tập hợp $\mathbb{R}$ các số thực. Nêu định nghĩa, tính chất giá trị tuyệt đối của một số thực.

Câu 3: Định nghĩa căn bậc hai số học của một số không âm? Cho ví dụ.

Câu 4: Lấy ví dụ minh họa về làm tròn số đến độ chính xác 50; 5; 0,5; 0,05.

Câu 5: Tỷ lệ thức là gì? Phát biểu tính chất cơ bản của tỷ lệ thức. Viết công thức thể hiện tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.

Câu 6: Thế nào là đại lượng tỉ lệ thuận? Nêu công thức liên hệ? Đại lượng tỉ lệ thuận có tính chất gì?

Câu 7: Đặc điểm nhận biết khối lăng trụ đứng tam giác, tứ giác, hình hộp chữ nhật, hình lập phương và các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích.

Câu 8: Nêu khái niệm, tính chất hai góc đối đỉnh. Thế nào là hai góc kề nhau, kề bù?

Câu 9: Định nghĩa tia phân giác của một góc. Nêu cách vẽ tia phân giác của một góc bằng compa và thước hai lề.

Câu 10: Phát biểu dấu hiệu nhận biết, tính chất hai đường thẳng song song.

Câu 11: Phát biểu nội dung tiên đề Ô-clit về đường thẳng song song.

Câu 12: Phát biểu định lý tổng ba góc của một tam giác.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

A- TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tập hợp các số thực gồm tập hợp các số nào sau đây ?

A. Tập hợp các số hữu tỉ

B. Tập hợp các số hữu tỉ và tập hợp các số vô tỉ

C. Tập hợp các số vô tỉ

D. Tập hợp các số tự nhiên và tập hợp các số vô tỉ

Câu 2. Trong các kết quả sau, kết quả nào đúng?

A. $\sqrt{5} = 2,5$

B. $\sqrt{25} = -5$

C. $\sqrt{3} = 9$

D. $\sqrt{4} = 2$

Câu 3. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng?

A. Nếu $a \in \mathbb{Z}$ thì $a \in \mathbb{R}$.

B. Nếu $a \in \mathbb{R}$ thì $a \in \mathbb{Z}$.

C. Nếu $a \in \mathbb{R}$ thì $a \in \mathbb{Q}$.

D. Nếu $a \notin \mathbb{Z}$ thì $a \in \mathbb{Q}$.

Câu 4. Khẳng định đúng là

A. $|-3,5| = -3,5$

B. $|-3,5| = 3,5$.

C. $|-3,5| = \pm 3,5$

D. $|-3,5| > 3,5$.

Câu 5. Làm tròn số 21839 đến hàng trăm là

A. 21000;

B. 21800;

C. 21900;

D. 22000

Câu 6. Kết quả của phép chia $\left(\frac{2}{3}\right)^7 : \left(\frac{2}{3}\right)^5$ là:

A. $\frac{2^2}{3}$

B. $\left(\frac{2}{3}\right)^2$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{2}{3^2}$

Câu 7. Chọn câu đúng. Với các điều kiện các phân thức có nghĩa thì

A. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+y}{a+b}$

B. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x.y}{a.b}$

C. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+y}{a+b}$

D. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x-y}{a+b}$

Câu 8. Chọn câu sai. Nếu $a.d = b.c$ và $a, b, c, d \neq 0$ thì:

A. $\frac{a}{c} = \frac{b}{d}$

B. $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$

C. $\frac{a}{b} = \frac{d}{c}$

D. $\frac{d}{c} = \frac{b}{a}$

Câu 9. Đại lượng x tỉ lệ thuận với đại lượng y theo hệ số tỉ lệ $\frac{1}{3}$ khi:

A. $xy = 3$

B. $xy = \frac{1}{3}$

C. $x = 3y$

D. $y = 3x$

Câu 10. Số $\sqrt{5}$ là:

A. Số tự nhiên

B. Số nguyên

C. Số hữu tỉ

D. Số thực

Câu 11. Trong các số sau số nào là số thập phân vô hạn tuần hoàn?

A. 2,3

B. 3,7557

C. -0,25

D. -6,12(63)

Câu 12. Trong các số sau đây, số nào viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn:

A. $\frac{20}{3}$

B. $\frac{11}{45}$

C. $\frac{12}{25}$

D. $\frac{33}{99}$

Câu 13. Làm tròn số 4,558 đến chữ số thập phân thứ nhất ta được:

A. 4,5

B. 4,6

C. 4,56

D. 5,0

Câu 14. Tính: $\sqrt{81} =$

A. -9.

B. 81.

C. ± 9 .

D. 9.

Câu 15. Số hữu tỉ x thỏa mãn $x^2 = 225$ là

- A. $x = 15$. B. $x = -15$. C. $x = 15$ và $x = -15$. D. $x = 25$.

Câu 16. Cho $\angle xOy = 70^\circ$, Ot là tia phân giác của $\angle xOy$. Số đo $\angle xOt$ bằng ?

- A. 35° . B. 70° C. 110° D. 140° .

Câu 17. Cho $\angle xOy$ và $\angle yOz$ là 2 góc kề bù. Biết $\angle xOy = 35^\circ$, số đo $\angle yOz$ bằng ?

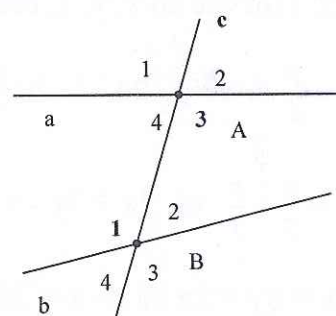
- A. 55° . B. 145° . C. 35° D. 180° .

Câu 18. Hai đường thẳng zz' và tt' cắt nhau tại A. Góc đối đỉnh với góc $\angle zAt'$ là:

- A. $\angle z'At$ B. $\angle z'At'$. C. $\angle zAt'$. D. $\angle zAt$.

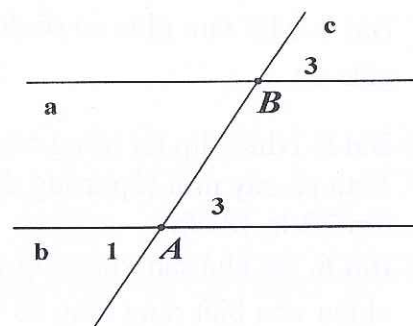
Câu 19: Ở hình vẽ bên A_3 và B_1 là hai góc ở vị trí nào?

- A. So le trong
B. Đồng vị
C. Trong cùng phía
D. So le ngoài



Câu 20: Cho hình vẽ, biết $a \parallel b$, $B_3 = 65^\circ$, vậy A_1 có số đo là:

- A. 65°
B. 115°
C. 180°
D. 130°



II. TỰ LUẬN

* ĐẠI SỐ

Bài 1. Tính hợp lý (nếu có thể):

1) $2\frac{1}{2} + \frac{4}{7} : \left(-\frac{8}{7}\right)$

2) $(-12) : \left(\frac{3}{4} - \frac{5}{6}\right)^2$

3) $\left(\frac{1}{4} - \frac{1}{\sqrt{64}} + 1\right) : \left(\frac{3}{2}\right)^2$

4) $\frac{1}{2} - \left(\frac{1}{3} + \frac{1}{10}\right)$

5) $(-6,5).5,7 + 5,7.(-3,5)$

6) $16\frac{2}{7} : \left(\frac{-3}{5}\right) + 28\frac{2}{7} : \frac{3}{5}$

7) $15 \cdot \left(-\frac{2}{3}\right)^2 - \left|-\frac{7}{3}\right|$

8) $\sqrt{0,36} \cdot \sqrt{\frac{25}{16}} + \left(-\frac{1}{2}\right)^2$

9) $\sqrt{0,36} \cdot \sqrt{\frac{25}{16}} + \left|-\frac{1}{4}\right|$

$$10) \left(2^2 : \frac{4}{3} - \frac{1}{2}\right) \cdot \frac{6}{5} - 17$$

$$11) \left[6 - 3 \cdot \left(-\frac{1}{3}\right)^2 + \sqrt{0,25}\right] : \sqrt{0,9}$$

$$12) \frac{4^2 \cdot 4^3}{2^{10}} \cdot 2004$$

Bài 2. Tìm x, biết:

$$a) \frac{5}{4}x + 1 = -\frac{1}{2}$$

$$b) \frac{x}{12} - \frac{5}{6} = \frac{1}{12}$$

$$c) 1\frac{1}{3} : 0,8 = \frac{3}{4}x : (-1,5)$$

$$d) \frac{3}{4} + \frac{5}{2}x = \frac{7}{2}$$

$$e) \frac{x-1}{3} = \frac{-1}{2}$$

$$f) \left|\frac{1}{4} + x\right| - \frac{1}{3} = \frac{2}{5}$$

$$g) (5x-1)(2x-3) = 0$$

$$h) \left(2x - \frac{1}{5}\right)^2 + \frac{16}{25} = (-2022)^0$$

$$i) \left(x - \frac{1}{8}\right)^3 = \frac{-8}{125}$$

Bài 3. Tìm các số x, y, z, biết:

$$a) \frac{x}{3} = \frac{y}{4} \text{ và } x + y = 28$$

$$b) \frac{x}{7} = \frac{y}{3} \text{ và } x - 24 = y$$

$$c) \frac{x}{5} = \frac{y}{7} = \frac{z}{2} \text{ và } y - x = 48$$

$$d) \frac{x}{3} = \frac{y}{5} = \frac{z}{7} \text{ và } 2x + 3y - z = -14$$

$$e) \frac{x}{2} = \frac{y}{3}; \frac{y}{4} = \frac{z}{5} \text{ và } x + y - z = 10$$

$$f) 5x = 3y = 2z \text{ và } z - x = 36$$

Bài 4. Một tam giác có số đo ba góc lần lượt tỉ lệ với 4; 5; 6. Tính số đo các góc của tam giác đó.

Bài 5. Nhân dịp tết trồng cây, ba lớp 7A, 7B, 7C trồng được số cây tỉ lệ với ba số 6; 7; 10. Tính số cây mỗi lớp trồng được, biết số cây của lớp 7C trồng được nhiều hơn số cây của lớp 7B là 18 cây

Bài 6. Ba nhà sản xuất góp vốn theo tỉ lệ 3; 5; 7. Hỏi mỗi nhà sản xuất phải góp bao nhiêu vốn biết rằng tổng số vốn là 210 triệu đồng.

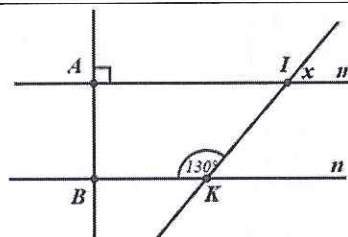
Bài 7. Học sinh của 3 lớp 7A, 7B, 7C cần phải trồng 50 cây xanh. Lớp 7A có 45 học sinh, lớp 7B có 54 học sinh, lớp 7C có 51 học sinh. Hỏi mỗi lớp phải trồng bao nhiêu cây xanh, biết số cây xanh tỉ lệ thuận với số học sinh.

* HÌNH HỌC

Bài 8. Cho hình 1, biết $m \parallel n$.

a) Tính $x = ?$

b) Tính góc ABK?

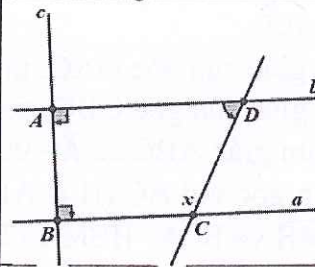


Hình 1

Bài 9. Cho hình 2

a). Đường thẳng a và b có song song với nhau không? Vì sao?

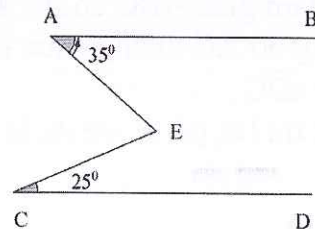
b) Biết $\widehat{ADC} = 60^\circ$. Tính $x = ?$



Hình 2

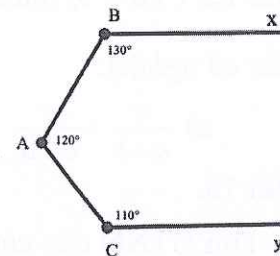
Bài 10. Cho hình 3, Biết $AB \parallel CD$,

$\widehat{BAE} = 100^\circ, \widehat{ECD} = 150^\circ$. Tính số đo $\widehat{AEC}$



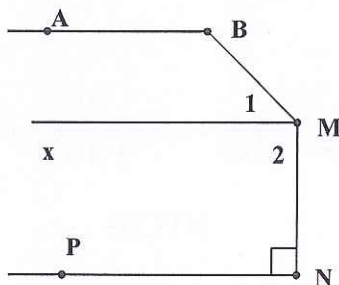
Hình 3

Bài 11. Cho hình 4. Chứng minh: $Bx \parallel Cy$. Biết $\widehat{ABx} = 130^\circ, \widehat{BAC} = 120^\circ, \widehat{ACy} = 110^\circ$

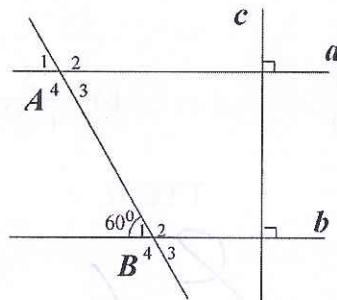


Hình 4

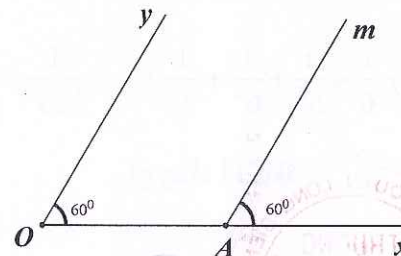
Bài 12. Trong hình vẽ có $MN \perp NP$, $\widehat{ABM} = \widehat{BMN} = 135^\circ$. Chứng minh rằng $AB \parallel NP$.



Hình 5



Hình 6



Hình 7

Bài 13. Cho hình 6:

a) Chứng minh $a \parallel b$

b) Tính số đo góc $\widehat{B}_2$ và $\widehat{A}_3$

Bài 14: Cho hình 7 biết $\widehat{xOy} = 60^\circ$; $\widehat{xAm} = 60^\circ$. Kẻ Ot là phân giác $\widehat{xOy}$, An là phân giác $\widehat{xAm}$

a) Chứng minh $Ot \parallel An$.

b) Kẻ $AH \perp Ot$ ($H \in Ot$). Chứng minh AH là phân giác của $\widehat{OAm}$.

Bài 15. Cho $\widehat{xOy} = 60^\circ$. Trên Ox lấy điểm A, trên Oy lấy điểm B sao cho $OA > OB$. Qua A vẽ đường thẳng song song với Oy. Qua B vẽ đường thẳng song song với Ox. Hai đường thẳng này cắt nhau tại C.

a) Tính số đo $\widehat{ACB}$.

b) Kẻ tia phân giác của góc OAC, tia này cắt BC ở D. Tính số đo $\widehat{ADC}$.

c) Kẻ tia phân giác của góc OBC, tia này cắt OA ở E. Chứng minh: $AD \parallel BE$.

Bài 16: Cho tam giác ABC có $\widehat{A} = 90^\circ$. Lấy điểm M trên cạnh BC. Vẽ MH vuông góc với AB, MK vuông góc với AC ($H \in AB, K \in AC$).

a) So sánh: $\widehat{BMH}$ và $\widehat{BCA}$; $\widehat{HBM}$ và $\widehat{KMC}$

b) Tính số đo góc $\widehat{HMK}$

Bài 17: Cho tam giác ABC có $\widehat{A} = 40^\circ, \widehat{C} = 70^\circ$. Trên tia đối của tia AC lấy điểm D. Trên nửa mặt phẳng bờ AC không chứa điểm B, vẽ tia $Dx \parallel BC$ sao

a) Tính số đo $\widehat{xDC}$.

b) Vẽ tia Ay là phân giác của $\widehat{BAD}$. CM: $Ay \parallel BC$.

c) Tia BA cắt tia Dx tại M, vẽ At là tia phân giác của $\widehat{DAM}$. Chứng minh $\widehat{yAt} = 90^\circ$

* NÂNG CAO

Bài 18. Cho tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$. Chứng minh rằng ta có các tỉ lệ thức sau (các tỉ lệ thức đều có nghĩa):

a) $\frac{a}{a+b} = \frac{c}{c+d}$

b) $\frac{a-b}{b} = \frac{c-d}{d}$

c) $\frac{2a+b}{2a-b} = \frac{2c+d}{2c-d}$

d) $\frac{2a+b}{a-2b} = \frac{2c+d}{c-2d}$

Bài 19.

a) Tìm GTNN của các biểu thức: $A = |3x+6| - 7$ $E = |x-3| + \frac{7}{8}$

b) Tìm GTLN của biểu thức $C = \frac{2002}{|x|+2003}$.

Bài 20. Chứng minh rằng :

a) $\frac{1}{6} < \frac{1}{5^2} + \frac{1}{6^2} + \frac{1}{7^2} + \dots + \frac{1}{100^2} < \frac{1}{4}$

b) $\frac{3}{1^2 \cdot 2^2} + \frac{5}{2^2 \cdot 3^2} + \frac{7}{3^2 \cdot 4^2} + \dots + \frac{19}{9^2 \cdot 10^2} < 1$

BGH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Nguyễn Thị Hanh

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN - TIN - CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TIN HỌC
KHỐI: 7

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 13:

- Bài 1: Thiết bị vào - ra
- Bài 2: Phần mềm máy tính
- Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính
- Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet
- Bài 5: Ứng xử trên mạng
- Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính
- Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thông tin có nội dung xấu là gì?

Câu 2: Một số tác hại ảnh hưởng tới người nghiện Internet?

Câu 3: Nêu chức năng chính của phần mềm bảng tính?

Câu 4: Nêu các bước nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu, định dạng dữ liệu trên phần mềm bảng tính.

Câu 5: Nêu các kiểu dữ liệu có trong phần mềm bảng tính.

Câu 6: Nêu một số việc nên làm khi sử dụng máy tính.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Trắc nghiệm khách quan: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Máy Scan là thiết bị ra.
- B. Thiết bị vào được dùng để nhập thông tin vào máy tính.
- C. Thiết bị vào dùng để xuất thông tin từ máy tính ra để con người nhận biết được.
- D. Loa máy tính là thiết bị vào.

Câu 2. Phương án nào là phần mở rộng của tệp chương trình máy tính?

- A. .pptx, .ppt, .odp.
- B. .com, .exe, .msi.
- C. .docx, .rtf, .odt.
- D. .xixs, .csv, .ods.

Câu 3. Ưu điểm của thẻ nhớ, USB khi lưu giữ dữ liệu là:

- A. Dễ bị thất lạc.
- B. Nhỏ gọn, tiện sử dụng, khá bền.
- C. Dễ lây lan virus.
- D. Khó bị nhiễm virus.

Câu 4. Khi đang sử dụng mạng xã hội, em thấy một video quay cảnh bạo lực, em nên làm gì?

- A. Ẩn video đó đi.
- B. Chia sẻ cho bạn bè cùng lớp xem.
- C. Nói với bố mẹ, thầy cô hoặc người có trách nhiệm để ngăn chặn phát tán và gỡ video khỏi mạng xã hội.
- D. Tiếp tục xem video đó.

Câu 5. Đưa thông tin sai sự thật lên mạng, sử dụng thông tin vào mục đích sai trái là

- A. hành vi được phép làm.
- B. hành vi không bị cấm và không bị phạt.
- C. bị phạt theo quy định của Pháp luật.
- D. hành vi bị nghiêm cấm và có thể bị phạt theo quy định của Pháp luật.

Câu 6. Em hãy chỉ ra phần mềm ứng dụng trong các phương án sau?

- A. iOS.
- B. Windows.
- C. Zalo.
- D. Android.

Câu 7. Trong phần mềm bảng tính Excel, công thức nào sau đây là sai?

- A. $2(2+3)$.
- B. $5^3 + 3^5$.
- C. $1/2 + 1/5$.
- D. $10*(5 + 4)$.

Câu 8. Giả sử cần tính tổng giá trị của các ô B2 và E4, sau đó nhân với giá trị trong ô C2. Công thức nào trong số các công thức sau đây là đúng?

- A. $=C2(E4+B2)$.
- B. $(E4+B2)*C2$.
- C. $=(E4+B2)*C2$.
- D. $(E4+B2)C2$.

Câu 9. Ô N10 là giao của hàng nào và cột nào?

- A. Hàng N, cột 10.
- B. Cột N10.
- C. Hàng 10, cột N.
- D. Hàng N10.

Câu 10. Trong những việc dưới đây, theo em việc nào là không nên làm?

- A. Để đồ uống ở gần bàn phím, chuột...
- B. Đóng mọi ứng dụng trước khi tắt máy tính
- C. Sử dụng chức năng Shut down để tắt máy tính.
- D. Giữ bàn tay khô, sạch khi sử dụng máy tính

Câu 11. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị ra?

- A. Loa.
- B. Máy in.
- C. Máy Scan.
- D. Màn hình.

Câu 12. Phần mềm nào sau đây không phải là một hệ điều hành?

- A. Linux.
- B. Windows.
- C. Mac OS.
- D. Google Chrome.

Câu 13. Giả sử ô A1 = 4, ô B1 = 5. Kết quả tại ô C1 là gì khi tại ô C1 ta nhập $A1*B1$?

- A. 1.
- B. 9.
- C. 20.
- D. $A1*B1$.

Câu 14. Phần mềm bảng tính có chức năng chính là gì? Chọn phương án đúng nhất.

- A. Nhập và tính toán giống như máy tính cầm tay Casio.
- B. Quản trị dữ liệu.
- C. Soạn thảo văn bản và quản trị dữ liệu
- D. Nhập và xử lý dữ liệu dưới dạng bảng.

Câu 15. Khi giao tiếp qua mạng, em nên tránh điều gì?

- A. Truy cập bất cứ liên kết nào nhận được.
- B. Chỉ kết bạn với những người quen biết.
- C. Tôn trọng người đang giao tiếp với mình.
- D. Bảo vệ thông tin cá nhân của mình.

BGH duyệt



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Hải Yến

NTCM

Trần Minh Ngọc

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13

2. Một số câu hỏi trọng tâm hoặc nội dung kiến thức cần nắm được

Câu 1: Em hãy nêu vai trò của rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng đặc dụng ?

Câu 2: Rừng là gì ? Rừng có vai trò như thế nào đối với môi trường và đời sống con người?
Ở nước ta có những loại rừng phổ biến nào?

Câu 3: Em hãy nêu tên, nội dung, mục đích của các công việc chăm sóc cây rừng?

Câu 4: Nêu quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần và cây con có bầu?

Câu 5: Thế nào là nhân giống vô tính cây trồng và chúng thường áp dụng với các loại cây nào?

Câu 6: Nêu các phương pháp thu hoạch, bảo quản sản phẩm ?

Câu 7: Em hãy nêu quy trình giám canh cho một đối tượng cây trồng phù hợp ở gia đình hoặc địa phương?

Phần 2: Một số bài tập minh họa

Câu 1. Phần lỏng của đất trồng giúp:

- A. Cung cấp nước cho cây
- B. Cung cấp nước, oxygen cho cây, giúp cây đứng vững
- C. Cây đứng vững
- D. Cung cấp oxygen cho cây

Câu 2. Vun xới giúp:

- A. Hạn chế nơi trú ẩn của bệnh
- B. Hạn chế nơi trú ẩn của sâu
- C. Tạo điều kiện cây sinh trưởng, phát triển
- D. Giảm sự cạnh tranh dinh dưỡng

Câu 3. Các cây con được tạo ra bằng hình thức nhân giống vô tính có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mang các đặc điểm giống với cây mẹ
- B. Mang một nửa đặc điểm của bố và một nửa đặc điểm của mẹ
- C. Mang các đặc điểm không tốt bằng cây mẹ
- D. Mang các đặc điểm tốt hơn cây mẹ

Câu 4. Phòng trừ sâu bệnh hại trên cây trồng bằng biện pháp hoá học có ưu điểm:

- A. Tốn nhiều công lao động, diệt triệt để sâu bệnh hại.
- B. Diệt trừ sâu bệnh nhanh chóng, triệt để và ít tốn công lao động.
- C. Ảnh hưởng sức khoẻ vật nuôi, con người, hệ sinh thái.
- D. Gây ô nhiễm môi trường, diệt trừ sâu bệnh nhanh chóng.

Câu 5. Người ta làm hàng rào bảo vệ sau khi trồng rừng nhằm mục đích chính:

- A. Bảo vệ cây rừng không bị gió làm đổ.
- B. Bảo vệ cây rừng không bị con người phá hại.

C. Bảo vệ cây rừng không bị các loại sâu, bệnh phá hại.
D. Bảo vệ cây rừng không bị các loại động vật gây hại.
Câu 6. Em hãy nhận biết sản phẩm nào sau đây được sản xuất từ rừng phục vụ con người?

- A. Vở, thước được làm từ gỗ.
- B. Bánh được làm từ bột củ mì.
- C. Thước, Bút được làm từ kim loại.
- D. Túi sách, giày dép được làm từ da bò nhập khẩu.

Câu 7. Câu nào sau đây mô tả vai trò của rừng là bảo vệ môi trường?

- A. Rừng là nơi ở của động vật,
- B. Rừng cho ta mật ong, thuốc nam.
- C. Rừng cho nhiều sản phẩm gỗ: Bàn gỗ, Cửa gỗ.
- D. Rừng cung cấp khí oxy, thu khí cacbonic

Câu 8. Máy gặt được sử dụng để thu hoạch sản phẩm nào sau đây?

- A. Chè
- B. Cà phê
- C. Lạc
- D. Lúa

Câu 9. Thời vụ trồng rừng chính ở các tỉnh miền Bắc là mùa nào?

- A. Mùa hè và mùa thu
- B. Mùa đông và mùa hè
- C. Mùa đông và mùa xuân
- D. Mùa xuân và mùa thu

Câu 10. Thời vụ trồng rừng thích hợp nhất là khi nào?

- A. Thời tiết ẩm, độ ẩm vừa phải, đủ nước tưới
- B. Thời tiết lạnh
- C. Thời tiết ẩm
- D. Thời tiết nóng

Câu 11. Việc bón phân định kì trong quá trình chăm sóc rừng có tác dụng:

- A. Kích thích sự phát triển của cỏ dại.
- B. Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây rừng.
- C. Hạn chế sự phát triển của sâu, bệnh hại.
- D. Làm cho đất tơi xốp, tạo điều kiện cho rễ cây phát triển.

Câu 12. Cày đất có tác dụng gì:

- A. Làm đất tơi, xốp thoáng khí, chôn vùi cỏ dại
- B. Giúp đất thoáng khí
- C. Chôn vùi cỏ dại
- D. Làm đất tơi, xốp

Câu 13. Trong kĩ thuật giám canh, việc cắt bớt phần lá của cành giám nhằm mục đích:

- A. Kích thích cành giám nhanh ra rễ.
- B. Giảm sự thoát hơi nước của cành giám.
- C. Giúp cây tăng khả năng quang hợp.
- D. Kích thích cành giám hình thành lá mới.

Câu 14. Giám canh là phương pháp:

- A. Nhân giống hữu tính
- B. Nuôi cấy mô
- C. Nhân giống vô tính
- D. Nhân giống vô tính và hữu tính

Câu 15. Nội dung nào sau đây KHÔNG phải là một trong những vai trò của rừng?

- A. Là nơi sống của động, thực vật rừng.
- B. Điều hòa không khí.
- C. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.
- D. Cung cấp gỗ cho con người.



BAN GIÁM HIỆU

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TỔ TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Yến

NHÓM TRƯỞNG

Dương Thị Tươi

Họ và tên:.....

Lớp:.....

I. PHẠM VI ÔN TẬP:

Toàn bộ kiến thức từ bài 1 đến hết bài 4.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

1. Bài 1:

- Từ vựng (trang 156, 157 – Sách giáo khoa)

- Chữ hán: 先、生

- Cấu trúc:

- これ／それ／あれ／どれ
- Câu chỉ nội dung
- Câu sở hữu

2. Bài 2:

- Từ vựng (trang 157, 158 – Sách giáo khoa)

- Chữ hán: 上、下

- Cấu trúc:

- この／その／あの／どの
- ～は～にあります／います

3. Bài 3:

- Từ vựng (trang 158,159 – Sách giáo khoa)

- Chữ Hán: 行、来

- Cấu trúc:

- ここ／そこ／あそこ／どこ
- ～に～がいます／います
- 何もありません／何もいません／だれもいません
- Nへ 行きます／来ます／かえます。

4. Bài 4:

- Từ vựng (trang 159,160 – Sách giáo khoa)

- Chữ Hán: 百、円

- Cấu trúc:

- Số đếm: ひゃく／せん／まん
- Cách đếm đồ vật: ～つ
- Nを ください
- Nを Vます

- ～ね : Đứng cuối câu để xác nhận thông tin
- ～で: Trợ từ biểu thị số lượng tổng cộng

B. Bài tập củng cố kiến thức:

I. Viết cách đọc chữ Hán hoặc chữ Hán tương ứng với chữ được gạch chân:

1.	<u>生</u> と	→		6.	<u>四十円</u>	→	
2.	<u>先</u> しゅう	→		7.	<u>き</u> ます	→	
3.	<u>来</u> しゅう	→		8.	<u>う</u> え	→	
4.	<u>行</u> きます	→		9.	<u>ひ</u> ゃく	→	
5.	<u>下</u>	→		10.	<u>せん</u> せい	→	

II. Chọn đáp án đúng nhất:

- あそこに ケーキが () 。
A. います B. いません C. あります D. どこです
- ホアさんは いえに () 。
A. どこです B. ありますか C. あります D. います
- おとうとは がっこう () いきます。
A. へ B. が C. の D. で
- ランせんせいは () ですか。
A. いきます B. どこ C. います D. あります
- マイさんは うちへ () 。
A. どこです B. きます C. いきます D. かえります
- このペンは.....ですか。
A. だれ B. なん C. だれの D. なんの
-えんぴつは マイさんのですか。
A. これ B. それ C. あの D. あそこ
- ここに () ありません。
A. 何も B. だれも C. ミンさん D. せいと
- きょうしつに ランさん () マイさんが います。
A. も B. に C. と D. へ

10. ゆりさん、これから どこへ.....か。

- A. たべます B. あります C. のみます D. 行きます

11. リンさんは ベトナムへ.....。

- A. います B. 来ます C. 行きます D. かえります

12. こうてい () だれ () いますか。

- A. に、が B. に、も C. は、が D. は、も

13. がっこう () となりに こうえんが あります。

- A. は B. に C. の D. で

14. わたしは ^{にほん}日本へ.....。

- A. きます B. かえります C. 行きます D. います

15. このジュースは.....ですか。

- A. だれ B. いくら C. なん D. なんにん

16. () は ミンさんの ボールペンではありません。

- A. それ B. あの C. ここ D. だれ

17. 「60000」

- A. ろくまん
B. ろくせん
C. ろっぴゃく
D. ろくじゅう

18. 「10,000,000」

- A. じゅうまん
B. いちまん
C. ひゃくまん
D. せんまん

19. りんご.....ください。

- A. を B. に C. の D. と

20. アイスクリームを.....ください。

- A. いち B. みつつ C. さんにん D. いっさい

III. Trả lời câu hỏi:

1. あそこは きょうしつですか。

はい、

2. このけしゴムは ミンさんの ですか。

いいえ、

3. マイさんのかさは ここに ありますか。

はい、

4. いま、うちに だれが いますか。

5. がっこうに どうぶつが いますか。

6. かばんのなかに なにが ありますか。

IV. Hãy viết cách đọc ひらがな các từ vựng sau:

1. Trường học :		6. Phòng học :	
2. Phòng thể chất :		7. Phòng đọc :	
3. Chợ :		8. Siêu thị :	
4. Phòng giáo viên :		9. Công viên :	
5. Thực đơn		10. Núi Phú Sĩ:	

V. Chọn câu đồng nghĩa với câu được gạch chân:

1. プールは わたしの がっこうに ありません。

- A. わたしの がっこうに プールが いません。
- B. わたしの がっこうに プールが います。
- C. わたしの がっこうに プールが あります。
- D. わたしの がっこうに プールが ありません。

2. いすの うしろに ねこが います。

- A. ねこは いすの うえに います。
- B. ねこは いすの うえに いません。
- C. いすは ねこです。
- D. ねこは いすです。

3. にくが すきではありません。

- A. にくを たべます。

B. にくを たべません。

C. にくを のみます。

D. にくを ください。

4. としよしつは どこに ありますか。

A. としよしつは どこですか。

B. としよしつは どこに いますか。

C. としよしつは ここですか。

D. としよしつは あそこですか。

5. それは チーさんの日本ごの まんがです。

A. そのまんがは チーさんのではありません。

B. そのまんがは えいごのです。

C. そのまんがは 日本ごのではありません。

D. そのまんがは チーさんのです。

おわり

Chúc các con ôn tập tốt!

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I – LỚP 7
MÔN HỌC TIẾNG HÀN
NĂM HỌC 2023-2024

I: TỪ VỰNG

Bài 1	방: Phòng 거실: Phòng khách 침대: Cái giường 피아노: Đàn pi-a-no 텔레비전: Ti vi 컴퓨터: Máy tính
Bài 2	부엌: Nhà bếp 놀이터: Sân chơi 식탁: Bàn ăn 시소: Bập bênh 냉장고: Tủ lạnh 그네: Xích đu
Bài 3	물: Nước 수박: Dưa hấu 만화책: Truyện tranh 오렌지: Quả cam 비빔밥: Cơm trộn 삼계탕: Gà hầm sâm
Bài 5	일(1), 이(2), 삼(3), 사(4), 오(5), 육(6), 칠(7), 팔(8), 구(9), 십(10)
Bài 6	위: Bên trên 아래: Bên dưới 앞: Phía trước 뒤: Phía sau 안: Bên trong 밖: Bên ngoài

Bài 7	아침: Buổi sáng 저녁: Buổi tối 산: Núi 오늘: Hôm nay 내일: Ngày mai 바다: Biển
Bài 9	숙제를 해요: Làm bài tập 노래를 불러요: Hát 춤을 춰요: Nhảy múa 피아노를 쳐요: Chơi piano 배드민턴을 쳐요: Chơi cầu lông 야구를 해요: Chơi bóng chày
Bài 10	음식을 만들다: Chế biến món ăn 사진을 찍다: Chụp ảnh 기타를 치다: Chơi đàn ghi-ta 스키를 타다: Trượt tuyết 농구를 하다: Chơi bóng rổ 운전을 하다: Lái xe 게임을 하다: Chơi game 낚시를 하다: Câu cá 등산을 하다: Leo núi
Bài 11	공원: Công viên 음악회: Buổi hòa nhạc 주말: Cuối tuần 걸어요: Đi bộ 들어요: Nghe 숙제해요: Làm bài tập 식사해요: Dùng bữa 배워요: Học 쉬어요: Nghỉ ngơi 자주: Thường xuyên 동화책: Truyện cổ tích 이번: Lần này

Bài 13	사랑해요. I love you 행복해요. Hạnh phúc
Bài 14	축하합니다: Chúc mừng 죄송합니다: Xin lỗi 고맙습니다: Cảm ơn 감사합니다: Cảm ơn 잘 먹겠습니다. Cảm ơn vì đồ ăn (trước bữa ăn) 잘 먹었습니다: Cảm ơn vì đồ ăn (sau bữa ăn)
Bài 15	여보세요: Alo 같이: Cùng nhau 약속: Cuộc hẹn 만나다: Gặp gỡ 많다: Nhiều 적다: Ít 크다: To, lớn 작다: Nhỏ, bé 비싸다: Đắt 싸다: Rẻ 나쁘다: Xấu, không tốt 좋다: Tốt, đẹp

II. NGỮ PHÁP

1. N 이/가 있어요 (Dùng khi muốn nói có cái gì)

이: Sau danh từ có patchim

가: Sau danh từ không có patchim

Ví dụ: 시계가 있어요. Có đồng hồ
부엌이 있어요. Có nhà bếp

2. N 에 있어요 (Dùng khi muốn nói về vị trí của một đồ vật nào đó)

Ví dụ: 냉장고가 부엌에 있어요. Tủ lạnh có ở nhà bếp
모자가 의자 위에 있어요. Ghế có ở trên ghế

3. N 을/를 (을/를 là tiểu từ bỏ ngữ, nằm sau danh từ bỏ ngữ của câu. Dùng để chỉ ra những danh từ chịu tác động của hành động)

을: Sau danh từ có patchim

를: Sau danh từ không có patchim

Ví dụ: 아이가 만화책을 읽어요. Em bé đọc truyện tranh
 엄마는 수박을 먹어요. Mẹ ăn dưa hấu

4. 언제 (Là từ để hỏi, dùng để hỏi về một khoảng thời gian nào đó)

Ví dụ: 언제 운동해요? Khi nào tập thể dục?
 언제 학교에 가요? Khi nào đi tới trường?

5. N에 (‘에’ nằm sau danh từ chỉ thời gian, dùng để chỉ ra khoảng thời gian thực hiện hành động)

Ví dụ: 아침에 우유를 마셔요. Uống sữa vào buổi sáng.
 주말에 친구를 만나요. Gặp bạn vào cuối tuần.

6.

무슨: ‘gì’ . Nằm trước danh từ, dùng để hỏi về chủng loại của danh từ đó.

잘해요: ‘làm tốt’

잘 못해요: ‘không thể làm tốt’

Ví dụ: 무슨 음식을 좋아해요? – 김치찌개를 좋아해요.
 (Thích món ăn gì? – Tôi thích canh kimchi)
 한국 노래를 잘해요. Hát bài hát HQ hay.
 야구를 잘 못해요. Không thể chơi bóng chày tốt.

7.

‘못’: ‘không thể’, đứng trước động từ, những động từ có dạng ‘N 하다’ thì ‘못’ để trước ‘하다’. Dùng để nói về khả năng không thể thực hiện một hành động nào đó

‘지 못하다’: ‘không thể’, nằm sau thân động từ. Dùng để nói về khả năng không thể thực hiện một hành động nào đó

Ví dụ: 농구를 못해요. Không thể chơi bóng rổ.
 친구하고 축구를 하지 못해요. Không thể đá bóng với bạn.

8. ‘안’. ‘Không’, đứng trước động từ, những động từ có dạng ‘N 하다’ thì ‘안’ để trước ‘하다’. Dùng để phủ định về một hành động nào đó.

Ví dụ: 오늘 병원에 안 가요. Hôm nay không đi tới bệnh viện
 학교에서 한국어를 공부를 안 해요. Không học tiếng hàn ở trường

9. ‘을/ㄹ까요?’ ‘Nhé,nhỉ?’. Nằm sau thân động từ, thân động từ có patchim + 을까요?, thân động từ không có patchim + ㄹ까요?. Dùng để đề nghị, rủ ai đó cùng làm gì.

Ví dụ:

영화를 같이 볼까요? Cùng xem phim nhé?

오늘 밥을 같이 먹을까요? Hôm nay cùng ăn cơm nhé?

CÂU HỎI ÔN TẬP / 복습 문제

Bài 1: 그림을 보고 알맞은 것을 고르십시오.

(Nhìn tranh và lựa chọn đáp án đúng)

1.



① 육

② 칠

③ 팔

④ 구

2.



① 위

② 앞

③ 뒤

④ 아래

3.



① 과자와 우유

② 빵과 우유

③ 과일

④ 과자

4.



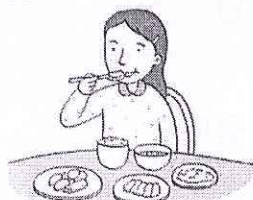
① 스키를 타요

② 낚시를 해요

③ 운전을 해요

④ 사진을 찍어요

5.



① 식사해요

② 배워요

③ 음식을 만들어요

④ 등산을 해요

6.



① 축구해요

② 농구해요

③ 스키를 타요

④ 피아노를 쳐요

Bài 2: 다음은 무엇에 대한 이야기입니까?

(Câu chuyện nói về cái gì?)

7. 저는 농구를 해요. 친구는 야구를 해요.

① 이름

② 학교

③ 운동

④ 가족

8. 민수는 회사원이에요. 수빈은 선생님이에요.

- ① 직업 ② 사람 ③ 공부 ④ 운동

9. 강아지가 식탁 밑에 있어요. 고양이가 식탁 위에 있어요.

- ① 가족 ② 위치 ③ 음악회 ④ 음식

10. 아버지는 축구가 좋아요. 어머니는 요리가 좋아요.

- ① 취미 ② 오늘 ③ 친구 ④ 숙제

11. 이게 비빔밥이에요. 저게 삼계탕이에요.

- ① 가족 ② 위치 ③ 음악회 ④ 음식

12. 저는 유진이에요. 친구는 민수예요.

- ① 고향 ② 이름 ③ 운동 ④ 학교

Bài 3: 빈칸에 들어갈 알맞은 것을 고르십시오.

(Lựa chọn từ đúng điền vào chỗ trống)

13. 사과가 작아요. 수박이 ().

- ① 먹어요 ② 커요 ③ 재미있어요 ④ 재미없어요

14. 저는 부모님을 사랑해요. 부모님은 저를 사랑해요. 우리 가족은 ().

- ① 많아요 ② 적어요 ③ 행복해요 ④ 감사해요

15. 저는 야구를 못해요. 야구가 () 좋아요.

- ① 자주 ② 못 ③ 무슨 ④ 안

16. 오늘 친구하고 같이 노래방에 가요. 노래방에서 노래를 ().

- ① 쳐요 ② 불러요 ③ 만들어요 ④ 걸어요

17. 주말에 우리 같이 등산을 ()?

- ① 할까요 ② 볼까요 ③ 읽을까요 ④ 들을까요

18. 아버지하고 바다 () 낚시를 해요.

- ① 가 ② 에 ③ 에서 ④ 는

19. 동화책이 아주 비싸요. 동화책을 () 사요.

- ① 못 ② 잘 ③ 자주 ④ 에

20.

가: () 운동을 자주 해요?

나: 스키를 자주 타요.

- ① 어디 ② 무엇 ③ 무슨 ④ 누구

21. 내일 () 숙제를 할까요?

- ① 어디 ② 같이 ③ 약속 ④ 자주

22. 생일에 친구와 같이 춤을 ().

- ① 쳐요 ② 취요 ③ 해요 ④ 타요

Bài 4: 다음 글을 잘 읽고 맞는 것을 고르십시오.

(Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng)

저는 안나예요. 저는 기타를 잘 쳐요. 매일 집에서 기타 연습을 해요. 하지만 피아노를 치지 못해요.

수미는 제 친구예요. 수미는 운동이 좋아요. 선생님과 친구들과 같이 학교 운동장에서 배드민턴을 자주 쳐요. 배드민턴을 잘 쳐요. 하지만 농구를 하지 못해요.

23. 누가 기타를 잘 쳐요?

- ① 안나 ② 수미

24. 수미는 무슨 운동을 잘 해요?

- ① 기타 ② 배드민턴 ③ 농구 ④ 피아노

25. 수미는 어디에서 배드민턴을 쳐요?

- ① 공원 ② 집 ③ 운동장 ④ 헬스클럽

26. 안나는 무엇을 연습해요?

- ① 기타 ② 피아노 ③ 야구 ④ 축구

27. 두 사람은 농구를 같이 해요?

- ① 네 ② 아니요

Bài 5: 다음 단어를 사용해서 문장을 만드십시오.

(Sử dụng từ đã cho viết thành câu hoàn chỉnh)

28. 가족 / 주말 / 식당 / 밥 / 먹다

_____.

29. 우리 오빠 / 낚시 / 못하다

_____.

30. 시계 / 소파 / 위 / 있다

_____.

31. 저녁 / 친구 집 / 기타 / 배우다

_____.

32. 우리 / 여동생 / 집 / 청소 / 하다

_____.

Bài 6: 밑줄 친 부분이 틀린 문장을 고르십시오.

(Lựa chọn câu có phần gạch chân sai)

33.

① 음악회에 안 가요.

② 친구하고 안 낚시를 해요.

③ 한국 신문을 안 읽어요 .

④ 운동장에서 축구를 안 해요.

34.

① 집에서 숙제를 해요.

② 공원에서 자전거를 타요.

③ 식당에서 할머니하고 식사해요.

④ 아침에서 우유를 안 마셔요.

35.

① 딸기를 같이 먹을까요?

② 오늘 영화를 같이 볼까요?

③ 오후에 운동을 같이 할까요?

④ 한국 음식을 같이 만들을 까요?

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I – KHỐI 7

Chương trình học tiếng Anh thông qua môn Toán và Khoa học

sử dụng bài giảng số của iSMART

Năm học 2023-2024

1. Môn tiếng Anh Toán:

Chương	Bài học	Từ vựng, cấu trúc
Unit 1 – Real numbers Chương 1 - Số thực	Lesson 1: Rational numbers Bài 1: Số hữu tỉ	- Distinguish rational numbers, integers and whole numbers. <i>Phân biệt số hữu tỉ, số nguyên và số tự nhiên.</i> - rational number <i>số hữu tỉ</i>
	Lesson 2: Calculations of rational numbers Bài 2: Thực hiện các phép tính về số hữu tỉ	addition, subtraction, multiplication, division, moving term(s), side <i>phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia, chuyển các số hạng, chuyển vế</i>
	Lesson 3: Irrational numbers and arithmetic square roots Bài 3: Số vô tỉ và căn bậc hai số học	irrational number, arithmetic square root <i>số vô tỉ, căn bậc hai số học</i>
	Review Lesson 1, 2 and 3 (Ôn tập Chương 1 - Bài 1, 2 và 3)	
	Lesson 4: Real numbers Bài 4: Số thực	real number <i>số thực</i>
	Lesson 5: Absolute value and rounding numbers Bài 5: Giá trị tuyệt đối và làm tròn số	- absolute value <i>giá trị tuyệt đối</i> - round <i>làm tròn</i>
Unit 2 – Proportions Chương 2 - Tỷ lệ	Lesson 1: Sequence of equivalent ratios Bài 1: Dãy tỉ số bằng nhau	- proportion <i>tỷ lệ</i> - sequence of equivalent ratios <i>dãy tỉ số bằng nhau</i>
	Lesson 2: Direct proportion Bài 2: Tỷ lệ thuận	variable, directly proportional, constant of proportionality <i>biến số, tỷ lệ thuận, hằng số tỷ lệ</i>
	Lesson 3: Inverse proportion Bài 3: Tỷ lệ nghịch	variable, inversely proportional, constant of proportionality <i>biến số, tỷ lệ nghịch, hằng số tỷ lệ</i>

2. Môn tiếng Anh Khoa học:

Chương	Bài học	Từ vựng, cấu trúc
Unit 1 – Substances and change of substances <i>Chương 1 - Chất và sự thay đổi chất</i>	Lesson 1: Atoms and elements <i>Bài 1: Nguyên tử và nguyên tố</i>	- atom, element <i>nguyên tử, nguyên tố</i> - proton, neutron, electron, nucleus <i>proton, neutron, electron, hạt nhân</i>
	Lesson 2: Periodic table <i>Bài 2: Bảng tuần hoàn</i>	- periodic table, cell, period, group, atomic number, atomic mass, chemical symbol <i>bảng tuần hoàn, ô, chu kỳ, nhóm, số nguyên tử, khối lượng nguyên tử, ký hiệu hóa học</i> - Identify three main types of elements (metals, non-metals, noble gases) on the periodic table. <i>Nhận diện ba loại nguyên tố chính (kim loại, phi kim loại, khí trơ) trong bảng tuần hoàn.</i>
Unit 2 – Molecule Chương 2 - Phân tử	Lesson 1: Molecules and compounds <i>Bài 1: Phân tử và hợp chất</i>	molecule, compound, molecular mass <i>phân tử, hợp chất, khối lượng phân tử</i>
	Lesson 2: Chemical bonds <i>Bài 2: Liên kết hóa học</i>	covalent bond, ionic bond <i>liên kết cộng hóa trị, liên kết ion</i>
	Lesson 3: Chemical formula <i>Bài 3: Công thức hóa học</i>	chemical formula, chemical formulae, symbol, subscript, valence <i>công thức hóa học, các công thức hóa học, ký hiệu, chỉ số dưới, hóa trị</i>
Unit 3 – Speed <i>Chương 3 - Vận tốc</i>	Lesson 1: Measurement of speed <i>Bài 1: Đo vận tốc</i>	<i>speed, distance travelled, time taken</i> <i>vận tốc, khoảng cách di chuyển (quãng đường), thời gian</i> <i>Tính vận tốc sử dụng công thức.</i> $\text{speed} = \frac{\text{distance travelled}}{\text{time taken}}$ $\text{vận tốc} = \frac{\text{quãng đường}}{\text{thời gian}}$
	Lesson 2: Distance-time graph <i>Bài 2: Đồ thị quãng đường theo thời gian</i>	distance-time graph, data table <i>đồ thị quãng đường theo thời gian, bảng dữ liệu</i>

Unit 4 – Sound <i>Chương 4 - Âm thanh</i>	Lesson 1: Sound wave <i>Bài 1: Sóng âm thanh</i>	• sound, sound source, vibration, sound wave <i>âm thanh, nguồn âm thanh, sự dao động, sóng âm</i>
--	---	--

PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG ISMART

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13

- Quan tâm, cảm thông, chia sẻ
- Học tập tự giác, tích cực
- Giữ chữ tín
- Bảo tồn di sản văn hóa

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1 : Thế nào là quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Em đã thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ qua các hành động cụ thể ?

Câu 2 :

a/ Thế nào là học tập tự giác và tích cực ? Nêu ý nghĩa của việc học tập tích cực và tự giác đối với bản thân?

b/ Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- Ý kiến 1. Chỉ các bạn học giỏi mới cần tự giác, tích cực trong học tập.
- Ý kiến 2. Chỉ cần tự giác, tích cực học tập khi tới các kì kiểm tra.

Câu 3 : Em hiểu thế nào là giữ chữ tín? Nêu ý nghĩa và biểu hiện của giữ chữ tín? Bản thân em đã làm gì để trở thành người biết giữ chữ tín?

Câu 4: Thế nào là di sản văn hóa? Vì sao phải bảo tồn văn hóa? Phân biệt và so sánh các loại di sản văn hóa ? Em đã làm gì để góp phần giữ gìn và bảo tồn di sản văn hóa?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1. Di tích Hoàng thành Thăng Long thuộc địa bàn nào của TP Hà Nội?

- A. Hoàn Kiếm. B. Đồng Đa. C. Long Biên. D. Cầu Giấy.

Câu 2: “Hát quan họ” là điệu hát của dân tộc nào?

- A. Dao. B. Kinh. C. Mường. D. Thái.

Câu 3: Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ?

- A. Thờ ơ trước khó khăn, đau khổ của người khác.
B. Giúp đỡ người khác với thái độ ban ơn, kẻ lễ.
C. Không vui vẻ khi bạn đạt thành tích cao.
D. Lắng nghe, động viên, an ủi mọi người.

Câu 4: Di sản văn hóa nào dưới đây là di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Nhã nhạc cung đình Huế. B. Trống đồng Đông Sơn.
C. Bến Nhà Rồng. D. Khu di tích Mĩ Sơn.

Câu 5: Biểu hiện nào sau đây trái với giữ chữ tín?

- A. Giữ đúng lời hứa của mình. B. Buôn bán hàng chất lượng.
C. Hay trễ hẹn với bạn bè. D. Nói đi đôi với làm.

2. Bài tập:

Bài tập 1: Cho tình huống sau:

H và N là bạn học cùng lớp và ở gần nhà nhau. H bị ốm và phải nghỉ học nhiều ngày. Để giúp đỡ H, buổi chiều N thường sang nhà đưa vở cho H chép bài và giải thích những chỗ khó hiểu cho bạn. M cùng lớp thấy vậy cho rằng N làm vậy là không đúng, vì học là nhiệm vụ của học sinh nên H phải tự học tập để hoàn thành nhiệm vụ thầy cô giao.

a/ Em nhận xét gì về việc làm của N?

b/ Theo em ý kiến của M như vậy có đúng không? Tại sao?

Bài tập 2: Cho tình huống sau:

Nhiều bạn khi đi thăm quan di tích Lam Kinh thường khắc tên mình lên đá, lên bức tượng, lên cây để đánh dấu nơi mình đã đến.

a/ Em hãy nhận xét về các hành vi đó?

b/ Nếu em ở đó em sẽ làm gì?

Bài tập 3: Cho tình huống sau:

Mỗi khi sang nhà T chơi, thấy T cặm cụi làm thêm những bài tập nâng cao, mở rộng kiến thức, H liền nói: "Cậu ngốc quá đây có phải là những bài tập thầy cô giao đâu mà phải làm. Chúng mình chỉ cần làm hết các bài trong sách giáo khoa là tốt lắm rồi!".

a/ Em có nhận xét gì về lời nói của H?

b/ Nếu là T, em sẽ nói gì với H?



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng

Phùng Thị Vui